

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trung cấp đợt I năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-LĐTĐBXH ngày 16/9/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Trường Trung cấp nghề Xây dựng Thanh Hóa vào Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa và đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCĐCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của học sinh trình độ trung cấp năm 2024; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 29 tháng 3 năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trung cấp cho 307 học sinh, gồm các nghề:

1. Công nghệ ô tô:	120 học sinh
2. Điện công nghiệp:	35 học sinh
3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí:	59 học sinh
4. Điện tử công nghiệp	07 học sinh
5. Công nghệ thông tin (UDPM)	43 học sinh
6. Điện - Nước	06 học sinh
7. May thời trang	29 học sinh
8. Hàn	06 học sinh
9. Cắt gọt kim loại	02 học sinh

- Trong đó: Khá, Giỏi 141 học sinh, đạt tỷ lệ 45,9 % (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐT - CT HSSV.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Anh Tuấn

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP TỐT NGHIỆP ĐỢT I NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 246/QĐ-TCĐCN ngày 29 tháng 3 năm 2024)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Xếp loại	Ghi chú	
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTNTH	ĐTN			
A	Công nghệ ô tô									
I	Lớp TB15 – Ô tô 1									
1.	Dương Hoàng Anh	14/3/2005	Thanh Hóa	6.7	6.5	7.0	6.8	Trung bình khá		
2.	Lê Đình Tuấn Anh	10/01/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	8.5	7.4	Khá		
3.	Lê Doãn Minh Anh	16/7/2006	Thanh Hóa	7.0	6.0	7.5	7.0	Khá		
4.	Cao Việt Cường	29/12/2006	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá		
5.	Hoàng Minh Dương	16/8/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.5	6.9	Trung bình khá		
6.	Quang Diễn Đan	24/5/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình khá		
7.	Ngô Văn Đức	31/7/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá		
8.	Nguyễn Anh Đức	17/7/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0	7.0	Khá		
9.	Nguyễn Văn Đức	21/4/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.5	6.6	Trung bình khá		
10.	Quách Trường Giang	11/7/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.0	6.5	Trung bình khá		
11.	Trương Văn Hoàng	01/5/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.0	6.5	Trung bình khá		
12.	Nguyễn Quốc Huy	24/10/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá		
13.	Nguyễn Cao Kỳ	03/8/2006	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá		
14.	Bùi Ngọc Lâm	29/7/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	6.0	6.7	Trung bình khá		
15.	Hoàng Huy Long	22/12/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	6.5	6.8	Trung bình khá		
16.	Nguyễn Công Phi Long	06/01/2006	Thanh Hóa	6.6	8.0	6.5	6.8	Trung bình khá		
17.	Hoàng Đình Mạnh	14/11/2006	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.9	Trung bình khá		
18.	Lê Ngọc Mạnh	03/9/2006	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá		
19.	Nguyễn Hữu Mạnh	29/01/2006	Thanh Hóa	7.3	7.5	7.0	7.2	Khá		
20.	Cao Thạch Hoài Nam	04/7/2006	Thanh Hóa	6.9	6.5	7.0	6.8	Trung bình khá		
21.	Nguyễn Đình Nam	18/4/2006	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.9	Trung bình khá		
22.	Lê Văn Minh Nhật	21/4/2006	Thanh Hóa	6.9	8.0	6.5	7.0	Khá		
23.	Đào Đức Phúc	28/9/2005	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.5	6.5	Trung bình khá		



24.	Hoàng Anh	Phúc	29/4/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.6	Trung bình khá
25.	Lê Khắc	Phước	18/8/2006	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.0	7.2	Khá
26.	Lê Phú	Quốc	20/5/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.5	6.6	Trung bình khá
27.	Lê Thái	Son	01/01/2006	Thanh Hóa	7.0	8.5	6.0	6.9	Trung bình khá
28.	Lê Duy	Tài	15/9/2005	Thanh Hóa	6.7	8.5	7.0	7.1	Khá
29.	Nguyễn Duy	Tân	06/6/2006	Thanh Hóa	6.5	8.5	7.0	7.0	Khá
30.	Bùi Duy	Thái	25/8/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.5	7.2	Khá
31.	Phạm Văn	Thiện	18/4/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình khá
32.	Trịnh Ngọc	Thủy	04/5/2006	Thanh Hóa	6.9	8.5	7.0	7.2	Khá
33.	Lê Công	Tiến	11/9/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	7.0	Khá
34.	Lê Duy	Trung	05/8/2005	TP. Hồ Chí Minh	7.5	7.5	8.0	7.7	Khá
35.	Cù Thanh	Tuấn	03/01/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	8.0	7.2	Khá
36.	Phạm Ngọc	Vinh	04/02/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	7.0	Khá
37.	Lê Bá	Vũ	02/3/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	5.0	6.2	Trung bình khá
38.	Trương Tuấn	Vũ	18/10/2006	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá
II	Lớp TB15 – Ô tô 2								
1.	Lý Đức	Anh	03/02/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá
2.	Nguyễn Hữu Nhật	Anh	19/7/2005	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.0	6.6	Trung bình khá
3.	Trần Đăng Tuấn	Anh	15/3/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.5	7.2	Khá
4.	Trần Đình	Bình	20/11/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá
5.	Đỗ Như	Chung	28/02/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.5	7.0	Khá
6.	Lê Việt	Cường	16/12/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.5	6.6	Trung bình khá
7.	Nguyễn Văn	Dũng	17/11/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	6.5	6.4	Trung bình khá
8.	Lê Phú	Duy	17/11/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.5	6.6	Trung bình khá
9.	Bùi Ngọc	Hà	20/9/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.5	6.7	Trung bình khá
10.	Nguyễn Bá Hoàng	Hải	14/10/2006	Đăk Lăk	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá
11.	Hà Minh	Hiếu	21/8/2005	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.5	7.1	Khá
12.	Nguyễn Văn	Hòa	20/01/2006	Thanh Hóa	6.2	7.0	7.0	6.6	Trung bình khá
13.	Lê Chi	Hoàng	25/01/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá
14.	Lê Đăng	Huy	19/01/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.5	7.0	Khá
15.	Lê Văn	Kiên	05/7/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.0	6.7	Trung bình khá

16.	Lê Văn	Kiên	23/11/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	7.5	7.0	Khá	
17.	Lê Ngọc	Lượng	09/5/2006	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.0	7.1	Khá	
18.	Phạm Văn	Mạnh	15/12/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.5	6.6	Trung bình khá	
19.	Lê Khả	Phong	30/9/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.5	7.1	Khá	
20.	Nguyễn Hồng	Quân	14/7/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
21.	Đông Minh	Sơn	26/5/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
22.	Lê Quang	Sơn	01/9/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình khá	
23.	Hà Đình	Tài	06/3/2006	Đăk Lăk	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá	
24.	Lê Quang	Thái	12/10/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	6.5	6.8	Trung bình khá	
25.	Nguyễn Bá	Thắng	20/6/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
26.	Lê Bá	Thông	12/10/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá	
27.	Nguyễn Thế	Toàn	07/11/2006	Thanh Hóa	6.9	8.0	6.5	6.9	Trung bình khá	
28.	Hoàng Sỹ	Tuấn	01/11/2006	Thanh Hóa	6.1	6.5	7.0	6.4	Trung bình khá	
29.	Nguyễn Anh	Tuấn	08/6/2006	Thanh Hóa	6.6	8.5	7.0	7.0	Khá	
30.	Nguyễn Ngọc	Tuyền	01/4/2006	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.5	7.1	Khá	
31.	Nguyễn Công	Vinh	05/6/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
32.	Nguyễn Văn	Vinh	28/02/2006	Thanh Hóa	6.8	8.5	7.0	7.1	Khá	
III	Lớp TB15 – Ô tô 3									
1.	Nguyễn Ngọc	Anh	06/6/2006	Ninh Bình	7.0	6.5	7.0	6.9	Trung bình khá	
2.	Phạm Ngọc Hoàng	Anh	23/02/2005	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.0	7.1	Khá	
3.	Trịnh Tuấn	Anh	16/7/2006	Thanh Hóa	7.3	6.0	7.5	7.1	Khá	
4.	Trịnh Văn	Anh	11/01/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0	7.0	Khá	
5.	Triệu Quang	Chung	24/01/2006	Thanh Hóa	7.3	7.5	8.0	7.6	Khá	
6.	Nguyễn Duy	Dũng	02/10/2006	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
7.	Phạm Tùng	Dương	25/11/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
8.	Lê Bá	Duy	24/02/2006	Thanh Hóa	7.3	7.5	7.5	7.4	Khá	
9.	Đặng Minh	Đại	31/01/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá	
10.	Lê Văn	Đại	14/10/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.5	6.6	Trung bình khá	
11.	Bùi Sỹ	Đức	12/3/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	6.5	7.0	Khá	
12.	Phạm Minh	Đức	18/4/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá	
13.	Đỗ Ngọc	Hải	27/6/2006	Thanh Hóa	7.5	6.5	7.5	7.3	Khá	

TIN
 ỨNG
 ĐẢNG
 NGHĨ
 H HO

14.	Lê Đình	Hải	22/8/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5	6.7	Trung bình khá
15.	Nguyễn Hoàng	Hải	08/8/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá
16.	Đỗ Trung	Hiếu	15/9/2006	Hung Yên	7.3	8.0	7.0	7.3	Khá
17.	Trần Văn	Hiếu	14/7/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	6.5	6.8	Trung bình khá
18.	Lê Ngọc	Khanh	08/10/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	6.5	7.0	Khá
19.	Lê Sỹ	Khánh	24/9/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	6.9	Trung bình khá
20.	Nhữ Ngọc	Khánh	15/12/2006	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.0	6.9	Trung bình khá
21.	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	13/11/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá
22.	Đỗ Trung	Kiên	23/6/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0	6.9	Trung bình khá
23.	Nguyễn Ngọc	Lễ	15/02/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0	7.4	Khá
24.	Lê Đình Hoài	Nam	10/8/2006	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá
25.	Trịnh Hữu Anh	Nhật	18/8/2005	Thanh Hóa	7.5	6.5	8.0	7.5	Khá
26.	Nguyễn Kim	Phúc	28/5/2006	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình khá
27.	Nguyễn Tấn	Tài	24/8/2006	Thanh Hóa	6.2	7.0	7.0	6.6	Trung bình khá
28.	Ngô Hữu	Tấn	28/02/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.5	7.1	Khá
29.	Lê Văn	Thành	08/5/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	7.5	7.3	Khá
30.	Nguyễn Đức	Tiến	25/5/2006	Thanh Hóa	6.6	8.0	7.0	7.0	Khá
31.	Bùi Văn	Tình	23/4/2006	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.5	6.4	Trung bình khá
32.	Nguyễn Việt	Trường	18/01/2006	Thanh Hóa	5.9	8.0	7.0	6.6	Trung bình khá
33.	Nguyễn Văn	Tùng	06/8/2006	Bình Dương	6.7	7.5	8.0	7.3	Khá
34.	Nguyễn Văn	Vũ	15/12/2005	Nam Định	6.9	8.5	7.0	7.2	Khá
IV	Lớp TB15 – G2 Ô tô								
1.	Nguyễn Văn	An	06/7/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.5	6.7	Trung bình khá
2.	Quách Gia	Bảo	13/10/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình khá
3.	Hồ Lê Thế	Công	11/10/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá
4.	Lê Xuân	Đại	14/10/2006	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.0	6.5	Trung bình khá
5.	Lê Ngọc	Hiếu	13/02/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.5	6.6	Trung bình khá
6.	Lê Văn	Hoàng	29/4/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.0	6.6	Trung bình khá
7.	Đàm Cảnh	Huy	01/9/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình khá
8.	Nguyễn Văn	Khôi	02/4/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.5	6.7	Trung bình khá
9.	Lê Phạm	Long	29/11/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá

10.	Dương Đình Minh	Quân	06/02/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	8.0	7.3	Khá	
11.	Trần Minh	Quân	09/7/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.0	6.5	Trung bình khá	
12.	Nguyễn Ngọc	Sang	04/5/2006	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.0	7.2	Khá	
13.	Lê Thế	Tâm	22/10/2006	Thanh Hóa	6.8	6.5	6.5	6.7	Trung bình khá	
14.	Nguyễn Trọng	Thắng	14/02/2006	Thanh Hóa	7.7	7.0	8.0	7.7	Khá	
15.	Trịnh Thái Anh	Thư	28/8/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá	
16.	Lê Văn	Tuấn	28/3/2005	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
B	Điện công nghiệp (Lớp TB15 - Điện)									
1.	Lê Việt	Anh	22/9/2006	Thanh Hóa	6.1	5.5	6.0	6.0	Trung bình khá	
2.	Nguyễn Hùng	Anh	11/10/2006	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0	6.1	Trung bình khá	
3.	Lê Gia	Bảo	07/11/2006	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình khá	
4.	Trần Văn	Bình	15/10/2006	Thanh Hóa	6.5	5.5	7.0	6.5	Trung bình khá	
5.	Đào Đức	Cường	11/7/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	
6.	Lê Ngọc	Cường	18/10/2005	Thanh Hóa	6.9	8.0	8.0	7.5	Khá	
7.	Lê Trọng	Dũng	10/7/2006	Thanh Hóa	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
8.	Lê Minh	Dương	26/02/2005	Thanh Hóa	6.3	6.5	6.0	6.2	Trung bình khá	
9.	Nguyễn Trung	Đức	21/10/2006	Thanh Hóa	6.6	8.0	7.5	7.1	Khá	
10.	Nguyễn Việt	Đức	13/8/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
11.	Vũ Quang	Hà	29/9/2005	Thanh Hóa	7.1	7.5	8.5	7.6	Khá	
12.	Nguyễn Văn	Hiếu	10/10/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.5	7.1	Khá	
13.	Nguyễn Quốc	Huy	11/10/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
14.	Nguyễn Trọng Quang	Huy	14/11/2006	Thanh Hóa	6.1	6.0	6.0	6.0	Trung bình khá	
15.	Vũ Đình	Huy	06/01/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình khá	
16.	Nguyễn Xuân	Long	19/9/2006	Thanh Hóa	7.6	7.0	8.0	7.6	Khá	
17.	Nguyễn Văn	Mạnh	26/8/2005	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.0	6.5	Trung bình khá	
18.	Đỗ Huy	Nam	12/7/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.5	Trung bình khá	
19.	Lê Trung	Nguyên	19/01/2006	Đồng Nai	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
20.	Trần Quang	Ninh	06/6/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
21.	Đỗ Văn Hoàng	Phúc	01/3/2006	Thanh Hóa	6.0	5.5	7.0	6.3	Trung bình khá	
22.	Đàm Minh	Quân	28/7/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá	
23.	Lê Ngọc	Quân	09/10/2006	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.5	6.5	Trung bình khá	

24.	Lê Duy	Quang	08/6/2004	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá	
25.	Lê Đình	Quý	02/11/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	8.0	7.3	Khá	
26.	Lê Đình	Quý	18/12/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.0	6.4	Trung bình khá	
27.	Lê Quyết	Thắng	08/5/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình khá	
28.	Trần Trọng	Thành	26/11/2006	Thanh Hóa	7.4	7.0	8.0	7.5	Khá	
29.	Trịnh Văn	Thông	05/9/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
30.	Nguyễn Văn	Thứ	29/10/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0	7.3	Khá	
31.	Lê Văn	Trung	19/5/2006	Thanh Hóa	6.1	5.5	6.5	6.2	Trung bình khá	
32.	Nguyễn Duy	Tuấn	03/01/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	8.0	7.2	Khá	
33.	Lê Đình	Tùng	06/8/2006	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0	7.4	Khá	
34.	Lê Thanh	Tùng	19/01/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.5	7.7	Khá	
35.	Nguyễn Đình	Vũ	05/9/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	7.5	6.9	Trung bình khá	
C	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí									
I	Lớp TB15 - Điện lạnh 1									
1.	Trần Thanh	An	28/6/2005	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.0	7.6	Khá	
2.	Lê Ngọc	Bình	24/9/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.5	7.6	Khá	
3.	Đỗ Huy	Dũng	19/5/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá	
4.	Lê Hữu	Dũng	19/12/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	
5.	Lê Văn Đại	Dương	30/8/2006	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.0	7.2	Khá	
6.	Lê Văn Tùng	Dương	10/6/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá	
7.	Lê Xuân	Đạt	13/02/2005	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.5	7.1	Khá	
8.	Vũ Thành	Đạt	20/7/2006	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.5	8.0	Giỏi	
9.	Lê Văn	Hoàn	29/5/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	6.0	6.7	Trung bình khá	
10.	Lê Văn	Khánh	23/7/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình khá	
11.	Trịnh Trung	Kiên	07/10/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
12.	Bùi Quang	Linh	23/01/1999	Thanh Hóa	7.4	8.0	7.5	7.5	Khá	
13.	Đỗ Như	Linh	03/10/2006	Thanh Hóa	7.1	7.5	8.5	7.6	Khá	
14.	Phùng Văn	Lực	06/7/2006	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.5	6.8	Trung bình khá	
15.	Lê Xuân	Nam	04/12/2005	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
16.	Nguyễn Ngọc	Nhất	01/5/2006	Thanh Hóa	7.3	7.5	7.0	7.2	Khá	
17.	Nguyễn Văn	Phương	16/3/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.7	Trung bình khá	

18.	Đặng Bảo	Quân	09/10/2006	Thanh Hóa	6.4	6.5	6.5	6.5	Trung bình khá
19.	Nguyễn Minh	Quân	14/11/2006	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.5	6.3	Trung bình khá
20.	Đỗ Văn Hoàng	Son	13/01/1996	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.5	6.5	Trung bình khá
21.	Lê Đức	Tâm	20/3/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.5	6.9	Trung bình khá
22.	Lê Xuân	Thắng	23/02/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.0	7.3	Khá
23.	Nguyễn Văn	Tú	15/9/2006	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá
II	Lớp TB15 - Điện lạnh 2								
1.	Nguyễn Như	Anh	08/4/2006	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.0	6.2	Trung bình khá
2.	Lê Văn	Công	23/9/2006	Thanh Hóa	6.6	6.0	8.0	7.0	Khá
3.	Đặng Văn	Dũng	05/7/2006	Thanh Hóa	6.2	6.5	5.0	5.8	Trung bình
4.	Lê Tùng	Dương	26/11/2006	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.0	6.5	Trung bình khá
5.	Lê Văn Đức	Duy	04/7/2006	Thanh Hóa	6.1	5.0	6.0	5.9	Trung bình
6.	Quách Công	Đông	12/11/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.0	6.5	Trung bình khá
7.	Lê Phụng	Đức	28/8/2006	Thanh Hóa	6.4	6.5	7.0	6.6	Trung bình khá
8.	Nguyễn Trung	Hiếu	09/12/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.0	6.4	Trung bình khá
9.	Văn Đình	Hiếu	25/10/2006	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.0	6.3	Trung bình khá
10.	Lê Văn	Huy	01/3/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.5	7.2	Khá
11.	Nguyễn Bá	Huy	04/10/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.5	Trung bình khá
12.	Khương Doãn Anh	Khiêm	22/8/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá
13.	Hà Văn	Linh	10/6/2006	Thanh Hóa	6.7	6.0	8.0	7.0	Khá
14.	Lê Đình	Linh	02/9/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	8.0	6.9	Trung bình khá
15.	Nguyễn Doãn	Lợi	17/11/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình khá
16.	Nguyễn Hoàng	Long	26/9/2006	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình khá
17.	Vũ Quang	Long	18/7/2006	Thanh Hóa	6.2	7.5	7.0	6.7	Trung bình khá
18.	Trần Xuân	Mai	10/02/2006	Thanh Hóa	6.6	7.5	5.0	6.2	Trung bình khá
19.	Hoàng Trọng	Minh	01/7/2006	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá
20.	Trần Xuân	Nam	12/6/2000	Thanh Hóa	7.2	6.0	7.5	7.1	Khá
21.	Lê Văn	Phú	01/9/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	7.0	6.8	Trung bình khá
22.	Nguyễn Hữu	Phúc	09/11/2006	Thanh Hóa	6.5	5.0	6.0	6.1	Trung bình khá
23.	Lê Xuân	Phương	30/4/2006	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá
24.	Nguyễn Hoàng	Quân	10/10/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá



25.	Ngô Khắc Tuấn	Quang	23/11/2006	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.0	6.7	Trung bình khá	
26.	Hoàng Văn	Son	07/12/2006	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
27.	Nguyễn Thế	Tiến	11/4/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	5.0	6.1	Trung bình khá	
28.	Lê Hữu	Trung	27/12/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.5	7.2	Khá	
29.	Nguyễn Đức	Trung	28/01/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.5	6.8	Trung bình khá	
30.	Nguyễn Xuân	Trường	18/11/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	7.5	6.9	Trung bình khá	
31.	Dương Văn	Tú	15/9/2006	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
32.	Cao Đăng Anh	Tuấn	19/3/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình khá	
33.	Hoàng Văn	Tuấn	24/8/2005	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.0	6.5	Trung bình khá	
34.	Nguyễn Khắc Hoàng	Tuấn	26/8/2006	Thanh Hóa	6.4	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
35.	Chu Đình	Tường	02/12/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	
36.	Dương Quang	Văn	01/5/2006	Thanh Hóa	6.3	8.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
D	Điện tử công nghiệp (Lớp TB15 – G2 Điện tử)									
1.	Quách Văn	Chính	05/8/2006	Thanh Hóa	7.0	5.5	7.5	6.9	Trung bình khá	
2.	Lê Hùng	Dũng	28/12/2006	Thanh Hóa	7.1	5.5	7.5	7.0	Khá	
3.	Trần Đình	Đức	05/10/2006	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.5	7.9	Khá	
4.	Lê Văn	Hoàng	07/12/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.0	7.5	Khá	
5.	Lại Văn	Phú	03/9/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5	7.3	Khá	
6.	Nguyễn Hữu	Tuấn	28/9/2006	Thanh Hóa	7.5	7.5	8.0	7.6	Khá	
7.	Ngô Đức	Vượng	09/3/2006	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá	
E	Công nghệ thông tin (Lớp TB – CNTT)									
1.	Hàn Quốc	Anh	19/11/2006	Thanh Hóa	6.7	5.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
2.	Lê Bá	Anh	04/10/2006	Thanh Hóa	6.7	5.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
3.	Lê Thị Mai	Anh	14/10/2006	Thanh Hóa	7.2	6.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
4.	Nguyễn Hoài	Anh	04/9/2006	Thanh Hóa	7.6	6.0	6.0	6.8	Trung bình khá	
5.	Lê Văn	Chiến	02/4/2006	Thanh Hóa	6.9	5.0	7.0	6.6	Trung bình khá	
6.	Lê Đăng	Du	02/9/2006	Thanh Hóa	6.6	5.5	7.0	6.6	Trung bình khá	
7.	Hoàng Ngọc	Dũng	05/6/2006	Thanh Hóa	7.3	5.5	7.0	6.9	Trung bình khá	
8.	Nguyễn Hoàng	Dương	12/9/2006	Thanh Hóa	6.8	5.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
9.	Tổng Xuân	Đạt	28/02/2005	Thanh Hóa	6.9	6.5	5.0	6.2	Trung bình khá	
10.	Nguyễn Hương	Giang	26/01/2006	Thanh Hóa	6.9	5.0	6.0	6.3	Trung bình khá	

11.	Trần Minh	Hiếu	18/4/2006	Thanh Hóa	6.7	6.0	6.0	6.3	Trung bình khá
12.	Lê Quang	Hòa	09/9/2006	Thanh Hóa	7.2	6.5	6.0	6.7	Trung bình khá
13.	Bùi Ngọc	Hoàng	01/5/2006	Thanh Hóa	6.8	6.0	6.0	6.4	Trung bình khá
14.	Lê Bắc	Hoàng	30/4/2006	Bình Dương	6.9	7.0	7.0	7.0	Khá
15.	Ngũ Huy	Hoàng	11/10/1997	Thanh Hóa	6.9	6.5	6.0	6.5	Trung bình khá
16.	Văn Ngọc	Hoàng	13/02/2005	Tây Ninh	7.8	5.5	7.0	7.2	Khá
17.	Vũ Đức	Hưng	18/7/2006	TP Hồ Chí Minh	7.1	7.0	6.0	6.7	Trung bình khá
18.	Nguyễn Thị	Hường	20/8/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	6.0	6.7	Trung bình khá
19.	Quản Thị Thanh	Hường	29/10/2006	Thanh Hóa	7.5	8.0	7.0	7.4	Khá
20.	Lý Nam	Linh	30/5/2004	Thanh Hóa	7.8	7.0	6.0	7.1	Khá
21.	Trần Thị mai	Linh	18/4/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	6.0	6.7	Trung bình khá
22.	Đỗ Tiến	Lộc	09/3/2006	Thanh Hóa	7.4	6.5	7.0	7.1	Khá
23.	Nguyễn Bảo	Long	25/12/2006	Nam Định	7.0	6.0	7.0	6.8	Trung bình khá
24.	Cao Thị Hiền	Lương	14/8/2006	Thanh Hóa	7.3	7.0	7.0	7.1	Khá
25.	Lê Thị Cẩm	Ly	07/01/2006	Thanh Hóa	6.9	5.0	5.0	6.0	Trung bình khá
26.	Nguyễn Văn	Mạnh	22/6/2006	Thanh Hóa	6.3	5.0	7.0	6.3	Trung bình khá
27.	Nguyễn Văn	Minh	09/3/2006	Thanh Hóa	6.4	6.0	5.0	5.9	Trung bình
28.	Lê Hữu	Nam	30/7/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	6.0	6.6	Trung bình khá
29.	Nguyễn Gia	Ngà	16/3/2005	Thanh Hóa	6.4	5.0	6.0	6.0	Trung bình khá
30.	Dương Quang	Nhân	01/5/2006	Thanh Hóa	6.7	6.0	6.0	6.3	Trung bình khá
31.	Lê Trang	Nhung	29/12/2006	Thanh Hóa	6.5	5.0	7.0	6.4	Trung bình khá
32.	Nguyễn Hữu	Quân	14/01/2006	Thanh Hóa	7.6	5.5	7.0	7.0	Khá
33.	Lê Văn	Quang	28/6/2006	Thanh Hóa	6.8	5.0	7.0	6.6	Trung bình khá
34.	Hồ Ngọc	Quyền	08/5/2006	Thanh Hóa	6.6	6.0	5.0	6.0	Trung bình khá
35.	Phạm Việt	Tài	25/9/2006	Thanh Hóa	6.8	6.0	6.0	6.4	Trung bình khá
36.	Trần Minh	Thăng	01/10/2005	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình khá
37.	Lê Vi Phương	Thảo	01/4/2006	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá
38.	Lê Thị	Thu	16/7/2006	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.0	7.0	Khá
39.	Nguyễn Minh	Thư	27/5/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
40.	Nguyễn Thị	Thùy	06/9/2006	Thanh Hóa	7.4	6.0	8.0	7.3	Khá
41.	Nguyễn Bùi Đoàn	Trang	05/8/2006	Thanh Hóa	6.8	5.0	8.0	6.9	Trung bình khá

TỈNH
 NG
 ẮNG
 NGHỆ
 HOÀ

42.	Trần Văn	Trường	13/02/2005	Thanh Hóa	6.6	5.0	7.0	6.5	Trung bình khá	
43.	Nguyễn Quốc	Vượng	10/4/2006	Thanh Hóa	7.2	6.5	7.0	7.0	Khá	
F	Điện - Nước (Lớp TB15 – G2 Điện nước)									
1.	Đặng Tuấn	Anh	26/01/2006	Thanh Hóa	6.7	5.0	7.0	6.5	Trung bình khá	
2.	Lê Văn	Cường	30/10/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.4	Khá	
3.	Nguyễn Đức	Duy	08/8/2006	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.5	7.4	Khá	
4.	Phạm Văn	Đông	31/8/2005	Thanh Hóa	7.4	6.5	8.0	7.4	Khá	
5.	Nguyễn Văn	Thường	04/02/2006	Thanh Hóa	7.1	6.0	7.5	7.0	Khá	
6.	Nguyễn Xuân	Trường	07/9/2005	Thái Bình	7.2	8.0	7.5	7.4	Khá	
G	Máy thời trang (Lớp TB15 – G1 Máy)									
1.	Ngô Thị Lan	Anh	07/4/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.5	7.1	Khá	
2.	Ngô Thị Quỳnh	Anh	11/10/2006	Thanh Hóa	6.0	7.5	7.0	6.6	Trung bình khá	
3.	Lê Thị	Dur	08/5/2006	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá	
4.	Hoàng Thị	Giang	06/02/2005	Thanh Hóa	8.0	8.0	8.5	8.2	Giỏi	
5.	Hoàng Thị Thu	Hiền	30/10/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.5	Khá	
6.	Nguyễn Thị	Huệ	02/9/2006	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá	
7.	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/12/2006	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.7	Khá	
8.	Bùi Thị	Lý	31/12/2006	Thanh Hóa	7.7	7.5	8.0	7.8	Khá	
9.	Bùi Thị	Minh	31/12/2006	Thanh Hóa	7.8	8.5	8.5	8.1	Giỏi	
10.	Nguyễn Khánh	My	11/11/2006	Thanh Hóa	6.6	6.5	7.0	6.7	Trung bình khá	
11.	Lê Thị	Nga	24/6/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	7.0	6.6	Trung bình khá	
12.	Lê Bích	Ngọc	22/02/2006	Thanh Hóa	7.6	7.5	8.0	7.7	Khá	
13.	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	11/11/2006	Thanh Hóa	6.2	7.5	6.5	6.5	Trung bình khá	
14.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	03/12/2006	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.5	7.1	Khá	
15.	Đỗ Thị	Nhàn	15/6/2006	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.5	7.1	Khá	
16.	Phùng Thị Yên	Nhi	03/6/2006	Gia Lai	7.2	7.0	8.0	7.4	Khá	
17.	Đinh Thị Tuyết	Như	21/6/2006	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.5	7.0	Khá	
18.	Lê Như	Quỳnh	15/12/2006	Thanh Hóa	6.1	5.0	6.0	5.9	Trung bình	
19.	Nguyễn Thị	Thanh	31/10/2006	Thanh Hóa	7.0	6.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
20.	Lê Thị Thùy	Trang	04/11/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
21.	Trần Thị Thùy	Trang	14/12/2006	Thanh Hóa	7.3	6.0	7.0	7.0	Khá	

22.	Đỗ Thị	Tuyết	15/4/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
23.	Phạm Thị	Hoa	21/5/2006	Thanh Hóa	6.9	8.5	7.5	7.4	Khá	
24.	Quản Thị	Trang	18/11/2006	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.5	7.9	Khá	
25.	Nguyễn Thị	Hằng	13/8/2006	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.5	6.7	Trung bình khá	
26.	Nguyễn Thị	Ánh	08/7/2006	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá	
27.	Lê Thị Thu	Phuong	21/8/2006	Thanh Hóa	6.7	6.0	7.5	6.8	Trung bình khá	
28.	Nguyễn Ngọc	Trang	25/7/2006	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.0	6.4	Trung bình khá	
29.	Trần Thị Thanh	Thảo	02/01/2006	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
H	Hàn (Lớp TB15 – G1 Hàn)									
1.	Dương Hoài	An	26/11/2006	Sóc Trăng	7.1	6.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
2.	Nguyễn Thế	Đức	05/10/2006	Thanh Hóa	7.3	9.0	6.0	7.1	Khá	
3.	Vũ Đức	Huân	05/02/2006	Thanh Hóa	7.6	9.0	8.0	8.0	Giỏi	
4.	Trương Tiến	Sang	13/7/2006	Thanh Hóa	7.2	6.0	8.0	7.3	Khá	
5.	Nguyễn Quốc	Toàn	02/5/2005	Thanh Hóa	7.4	6.0	8.5	7.5	Khá	
6.	Lê Việt Anh	Tuấn	11/9/2006	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.0	7.8	Khá	
I	Cắt gọt kim loại (Lớp TB15 – G1 CGKL)									
1.	Đình Trọng	Đoàn	30/3/2006	Thanh Hóa	7.5	8.5	9.0	8.2	Giỏi	
2.	Nguyễn Bá	Toàn	20/6/2006	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.0	7.8	Khá	

(Ấn định danh sách này gồm 307 học sinh)

CHANH H.T.